TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **861**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 710/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông **Nguyễn Vĩnh N**, sinh ngày 24/01/1975.

Căn cước công dân số 079075033306 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: B H, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Trần Hồng V**, sinh ngày 27/01/1980.

Căn cước công dân số 095180004545 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: B H, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Vĩnh N và bà Trần Hồng V thuận tình ly hôn. (Ông N và bà V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/P8, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2002).

- Về con chung: Ông N và bà V có 02 con chung là Nguyễn Vân N1, sinh ngày 26/01/2003 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 22/9/2006 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông N và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N và bà V khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Vĩnh N tự nguyện nộp lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037285 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV4 – TP. HCM;
- Phòng THADS KV4 – TP. HCM;
- UBND P. Tân Hòa, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Mai Hiếu Hạnh